

Bản án số: 28/2018/DS – PT
Ngày: 15/01/2018
V/v “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Ngọt

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Kim Tư

Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thủy Tiên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre: Ông Đoàn Văn Sơn – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 336/2017/TLPT- DS ngày 05 tháng 12 năm 2017 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 85/2017/DS – ST ngày 02 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện M bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 340/2017/QĐ – PT ngày 20 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị X (Út C), sinh năm: 1952; (có mặt)

Địa chỉ: ấp P, xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn:* Bà Dương Thị Kim A (6 B), sinh năm: 1948; (có mặt)

Địa chỉ: ấp P, xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Dương Thị Kim A là Luật sư Nguyễn Thị P – Cộng tác viên của trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Bến Tre. (có mặt)

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Tấn P, sinh năm: 1941;

Địa chỉ: ấp P, xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của ông P là bà Dương Kim A (văn bản ủy quyền đề ngày 07/9/2017). (có mặt)

- Người làm chứng phía bị đơn triệu tập là anh Nguyễn Tấn L, sinh năm 1974.

Địa chỉ: ấp P, xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre.

- *Người kháng cáo*: bị đơn Dương Thị Kim A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/8/2017, bản tự khai, biên bản hòa giải cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Lê Thị X trình bày:

Ngày 30/4/2015 âm lịch bà có cho bà Dương Thị Kim A vay số tiền 50.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất là 2% tháng, bà A đóng lãi được 23 tháng với số tiền 23.000.000 đồng (đóng lãi đến 30/12/2016 âm lịch) thì không đóng lãi nữa. Nay bà yêu cầu bà Dương Thị Kim A và ông Nguyễn Tấn P liên đới nghĩa vụ trả cho bà 50.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn cũng như người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Tấn P là bà Dương Thị Kim A trình bày:

Bà thừa nhận có vay của bà X số tiền 50.000.000 đồng, nhưng lãi suất là 9%/ tháng (tức mỗi tháng đóng 4.500.000 đồng) và bà đã đóng được 103.500.000 đồng. Nay bà X yêu cầu bà và ông P cùng liên đới trả số tiền 50.000.000 đồng bà đồng ý. Tuy nhiên, bà đã đóng lãi cho bà X vượt quá quy định pháp luật nên bà yêu cầu bà X phải có nghĩa vụ trả lại bà (103.500.000 đồng – 50.000.000 đồng – 23.000.000 đồng) là 33.500.000 đồng, tức bà đồng ý đóng lãi cho bà X 23.000.000 đồng.

Sau khi hòa giải không thành Tòa án nhân dân huyện M đưa vụ án ra xét xử với quyết định:

Áp dụng các Điều 471, 473, 474, 476 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 146 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị X về việc yêu cầu bà Dương Thị Kim A và ông Nguyễn Tấn P liên đới trả số tiền vay còn thiếu. Cụ thể tuyên:

- Buộc bà Dương Thị Kim A và ông Nguyễn Tấn P phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lê Thị X số tiền vay tài sản còn thiếu là 50.000.000đồng, không tính lãi.

- Không chấp nhận yêu cầu của bà Dương Thị Kim A về việc yêu cầu cản trừ số tiền lãi là 103.500.000đồng vào số tiền vốn.

Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 194/2017/QĐ-BPKCTT, ngày 30/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre theo yêu cầu của bà Lê Thị X.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 13/10/2017 bị đơn là bà Dương Thị Kim A kháng cáo.

Theo đơn kháng cáo và lời trình bày của bị đơn đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Tấn P là bà Dương Thị Kim A tại phiên tòa phúc thẩm: bà không đồng ý với bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bà, xem xét tính lại tiền lãi vượt quá qui định của pháp luật (9%/tháng) mà bà đã đóng cho bà X là 103.500.000đồng. Mặt khác bà không chấp nhận chịu lãi số tiền phải thi hành án vì nguyên đơn không có yêu cầu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Dương Thị Kim A trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà Dương Thị Kim A, tính lại tiền lãi đã trả vượt để khấu trừ vào vốn, bà A cũng không chấp nhận chịu lãi số tiền phải thi hành án vì bà X không có yêu cầu.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn Lê Thị X vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện M.

Quan điểm của kiểm sát viên:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015.

Về nội dung: Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi của bà X là có căn cứ. Tuy nhiên, về phần tiền lãi thì bà X cho rằng chỉ tính lãi 2%/tháng, đã nhận tiền lãi là 23.000.000đ; bà Kim A thì cho rằng bà X cho vay với lãi suất 9%/tháng, số tiền lãi đã đóng cho bà X là 103.500.000đồng, nhưng bà Kim A

không chứng minh được. Xét thấy cấp sơ thẩm chấp nhận mức lãi suất mà bà X thừa nhận 2%/tháng là cao hơn mức lãi suất theo quy định tại Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 là 9%/năm (1,125%/tháng), nhưng cấp sơ thẩm không tính lại tiền lãi là có thiếu sót, do đó một phần kháng cáo của bà Kim A là có căn cứ nên được chấp nhận. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 chấp nhận một phần kháng cáo của bà Dương Thị Kim A, sửa bản án sơ thẩm số 85/2017/DSST ngày 02/10/2017 của Tòa án nhân dân huyện M theo hướng tính lại tiền lãi mà bà Kim A phải trả cho bà X theo mức lãi suất 1,125%/tháng đối với số tiền vay gốc 50.000.000 đồng trong thời gian 29 tháng từ ngày 30/4/2015 đến ngày 02/9/2017, phần tiền lãi trả vượt sẽ khấu trừ vào tiền vốn để buộc vợ chồng bà A, ông P liên đới trả cho bà X.

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa. Xét kháng cáo của bà Dương Thị Kim A, đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Kim A và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại đơn khởi kiện ngày 15/8/2017 (BL 07) bà Lê Thị X yêu cầu bà Dương Thị Kim A và ông Nguyễn Tấn P liên đới trả cho bà số tiền còn thiếu là 69.000.000 đồng (gồm khoản nợ 50.000.000 đồng vay vào ngày 30/4/2015 và khoản tiền vay ngày 10/01/2017 còn nợ 19.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của bà X là giấy mượn tiền đề ngày 30/4/2015 (Bút lục 05). Tại biên bản hòa giải ngày 12/9/2017 (Bút lục 108) và tại đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đề ngày 06/9/2017 (Bút lục 111) thì bà X chỉ yêu cầu vợ chồng bà Kim A, ông P liên đới trả số tiền 50.000.000 đồng, rút yêu cầu đối với số tiền 19.000.000 đồng. Bà Kim A thừa nhận số nợ 50.000.000 đồng, nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc vợ chồng bà A, ông P liên đới trả số tiền này cho bà X là phù hợp Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Xét kháng cáo của bà Kim A về việc yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét chấp nhận mức lãi suất 9%/tháng và số tiền lãi 103.500.000 đồng mà bà đã đóng cho bà X. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án bà Kim A cung cấp 03 giấy xác nhận của ông Nguyễn Tấn L, bà Nguyễn Thị M và ông Bùi Văn T về việc ghi nhận mức lãi suất bà X cho vay là 9%/tháng. Tuy nhiên, bà X không thừa nhận cho vay 9%/tháng mà chỉ thừa nhận cho bà Kim A vay với lãi suất 2%/tháng. Thấy rằng, các xác nhận này chưa đủ cơ sở chứng minh việc bà X đã cho bà Kim A vay tiền với mức lãi suất 9%/tháng. Tại phiên tòa phúc thẩm

bà Kim A có triệu tập người làm chứng là anh Nguyễn Tấn L, nhưng anh L là con ruột bà Kim A và ông P, nên việc làm chứng cũng không khách quan nên không được chấp nhận.

Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận phần tiền lãi theo mức lãi suất mà bà X thừa nhận 2%/tháng là cao hơn mức lãi suất theo quy định tại Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 là 9%/năm (tương đương 1,125%/tháng) nên Hội đồng xét xử tính lại tiền lãi cho phù hợp, cụ thể như sau:

- Số tiền vốn vay 50.000.000 đồng x 1,125%/tháng x 29 tháng (từ ngày 30/4/2015 ã đến ngày 02/9/2017 ã) = 16.312.500 đồng.

- Số tiền lãi trả vượt là 6.687.500 đ = (23.000.000 đồng – 16.312.500 đồng) sẽ được trừ vào tiền vốn 50.000.000 đồng.

Như vậy, số tiền vốn mà vợ chồng bà A, ông P phải trả cho bà X là 43.312.500 đồng = (50.000.000 đồng – 6.687.500 đồng).

Do đó, một phần kháng cáo của bà Dương Thị Kim A là có căn cứ nên được chấp nhận về phần tính lại lãi suất.

[3] Xét kháng cáo của bà Kim A về việc không chấp nhận chịu lãi số tiền phải thi hành án vì nguyên đơn không có yêu cầu trong đơn khởi kiện. Xét thấy việc các đương sự phải chịu lãi xuất do chậm thi hành án là theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Vì vậy, kháng cáo phần này của bà Kim A là không có cơ sở nên không chấp nhận.

Trong quá trình tham gia tố tụng, bà Lê Thị X tự nguyện làm đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đòi bà Dương Thị Kim A trả lại phần tiền vay còn nợ 19.000.000 đồng, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không ra Quyết định đình chỉ, cũng không tuyên nội dung đình chỉ giải quyết về phần này trong Quyết định của bản án là không đúng quy định, nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm bổ sung cho phù hợp.

Đề nghị của người có quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Kim A có một phần phù hợp (về tính lại tiền lãi, về miễn án phí) với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Do kháng cáo được chấp nhận nên bà Kim A không phải chịu án phí phúc thẩm. Mặt khác, bà Kim A là người cao tuổi và có công với cách mạng nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, chấp nhận một phần kháng cáo của bà Dương Thị Kim A.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 85/2017/DS – ST ngày 02 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện M.

Cụ thể tuyên:

Áp dụng các Điều 471, 473, 474, 476 Bộ luật Dân sự năm 2005; điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị X về việc yêu cầu bà Dương Thị Kim A và ông Nguyễn Tấn P liên đới trả số tiền vay còn thiếu.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Dương Thị Kim A đối với bà Lê Thị X về việc tính lại tiền lãi vượt quá quy định để khấu trừ vào vốn với số tiền 6.687.500 đồng.

- Buộc bà Dương Thị Kim A và ông Nguyễn Tấn P phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lê Thị X số tiền vay tài sản còn thiếu là 43.312.500 đồng, không tính lãi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải Thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

3. Không chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Dương Thị Kim A về việc yêu cầu cản trừ số tiền lãi là 87.187.500 đồng vào số tiền vốn.

Đình chỉ giải quyết một phần đơn khởi kiện của bà Lê Thị X yêu cầu bà Dương Thị Kim A và ông Nguyễn Tấn P liên đới trả phần tiền vay còn nợ 19.000.000 đồng (do bà X tự nguyện làm đơn rút yêu cầu phần này).

4. Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 194/2017/QĐ-BPKCTT, ngày 30/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre theo yêu cầu của bà Lê Thị X cho đến khi thi hành xong bản án.

5. Ân phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Dương Kim A và ông Nguyễn Tấn P được miễn toàn bộ.
- Hoàn trả cho bà Lê Thị X tạm ứng án phí đã nộp số tiền 1.725.000đồng (một triệu bảy trăm hai mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 00011562 ngày 15/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M.

6. Ân phí dân sự phúc thẩm:

- Bà Dương Kim A được miễn toàn bộ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Phạm Văn Ngọt